

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 01/7/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Oanh.

2) Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con,” thụ lý số 523/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST – TA ngày 13/6/2024, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tr, sinh năm: 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn K, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc H, sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

HKTT: Thôn xx, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: Buôn K, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện,** quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Tr trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Tôi (Tr) và ông Trần Ngọc H sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, ngày 02 tháng 7 năm 2014.

Sau khi về chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên có những xung đột, cãi vã, đánh đập xúc phạm danh dự lẫn nhau. Mặc dù tôi đã cố gắng vun vén cho cuộc sống hôn nhân nhưng không có kết quả. Hiện nay tôi nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa vì vợ chồng tôi sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng và không còn cơ hội quay về đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Ngọc H.

*** Về con chung:** Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Lê Mỹ T, sinh ngày 15/4/2015; cháu Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 08/10/2021. Nguyên vọng của tôi về con chung khi ly hôn tôi xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** Vợ chồng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2024 bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày:*

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Tôi (H) thừa nhận lời trình bày của bà Lê Thị Tr về việc xác lập quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là đúng tôi không bổ sung gì thêm.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng tôi sống với nhau tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên, thỉnh thoảng vợ chồng tôi không tránh khỏi mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, tôi làm nghề buôn bán sào riêng nên có những mối quan hệ, làm ăn phải tiếp xúc với một số người khác giới nên vợ tôi không bằng lòng. Ngoài ra, vợ tôi làm giáo viên nhưng thường xuyên đi sớm về khuya, có những hôm vợ tôi đi đến 10 giờ thậm chí 11 giờ đêm mới về, có lần vợ tôi đi đến 10 giờ đêm mới về, mặc dù trước đó tôi đã gọi điện bảo để tôi đến chở về thì vợ không đồng ý. Đến 10 giờ đêm vợ tôi lại để một người đàn ông lạ mặt đem về, lúc đó không làm chủ được bản thân tôi đã đánh vợ. Nay vợ tôi nộp đơn xin ly hôn. Bản thân tôi không muốn con cái ly tán, nên Tôi mong Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ.

*** Về con chung:**

Tôi thừa nhận trong thời gian chung sống với nhau tôi và bà Tr có 02 con chung như bà Tr đã trình bày là đúng. Nếu ly hôn tôi xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một trong hai cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

*** Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về tài sản chung, nợ chung:** Vợ chồng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương và thu được kết quả như sau: Bà Lê Thị Tr và ông Trần Ngọc H kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì ông H về sống chung với bà Tr tại buôn K, xã H, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống tại địa phương bà Tr, ông H có mâu thuẫn gì không thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, ông H làm nghề buôn bán sào riêng nên hay vắng nhà, khi về nhà thì cũng có ghen tuông, vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau. Vì vậy, thỉnh thoảng vợ chồng cũng có xô xát nhỏ với nhau nhưng không đáng kể.

- Về con chung: Qua trình sống chung bà Tr và ông H có hai người con chung, cháu lớn sinh năm 2015, cháu nhỏ sinh năm 2021. Do ông H đi vắng thường xuyên nên hai cháu nhỏ chủ yếu sống với bà Tr.

- Về thu nhập: Hiện tại địa phương chỉ biết bà Tr là giáo viên mầm non, còn ông H buôn bán, địa phương không biết thu nhập cụ thể của bà Tr, ông H hàng tháng là bao nhiêu.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Tr vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn ông Trần Ngọc H, xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn ông Trần Ngọc H vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến:**

+ Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông Trần Ngọc H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

+ Về nội dung vụ án:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, 34, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình.

Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Tr ly hôn ông Trần Ngọc H.

- Về con chung: Giao 02 con chung là các cháu Trần Lê Mỹ T, sinh ngày 15/4/2015; cháu Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 08/10/2021 cho bà Lê Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Ngọc H được quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị Tr đề ngày 14/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Tr khởi kiện xin được ly hôn với ông Trần Ngọc H có HKTT: Thôn xx, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Buôn K, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất ông Trần Ngọc H vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiếp đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trần Ngọc H. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tr và ông Trần Ngọc H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50, ngày 02 tháng 7 năm 2014. Như vậy, hôn nhân giữa bà Tr và ông H hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tuy nhiên, sau khi cưới bà Tr và ông H chỉ sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn tranh chấp, xung đột, cãi vã thậm chí xô xát lẫn nhau. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án ông Trần Ngọc H có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên,

ông H cũng thừa nhận quá trình chung sống thì có khi không làm chủ được bản thân nên ông H có đánh bà Tr.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã H, huyện K thể hiện quá trình sinh sống tại địa phương thì do ông H làm nghề buôn bán sầu riêng nên thường xuyên vắng nhà, khi về nhà thì hay ghen tuông nên vợ chồng thường hay cãi vã và có khi vợ chồng còn xô xát lẫn nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà Tr và ông H không có hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho bà Tr ly hôn ông H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Tr và ông H có 02 con chung là các cháu Trần Lê Mỹ T, sinh ngày 15/4/2015; cháu Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 08/10/2021. Quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Lê Mỹ T có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Tr. Bản thân bà Tr cũng có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung. Ông Trần Ngọc H có nguyện vọng xin nuôi một trong hai con chung.

HĐXX xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xem xét đến quyền lợi mọi mặt của con. Mặc dù trong vụ án này bản thân ông H có nguyện vọng xin được nuôi một trong hai cháu. Tuy nhiên, ông H làm nghề buôn bán sầu riêng nên thường hay vắng nhà thời gian dài, nên việc chăm sóc con chung bị hạn chế, trong khi đó cháu T và cháu V còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ. Hơn nữa, do ông H hay vắng nhà nên từ trước đến nay hai cháu nhỏ chủ yếu sống với mẹ là bà Tr. Quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Lê Mỹ T có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Tr. Bản thân bà Tr cũng có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung. Xét việc cháu T xin được sống với bà Tr là hoàn toàn tự nguyện, bản thân bà Tr cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện tại bà Tr làm nghề giáo viên thu nhập ổn định nên nếu được nuôi con thì sẽ đảm bảo được cuộc sống cho các con. Mặt khác, để tránh làm xáo trộn T lý khi thay đổi môi trường sống của của cháu bé khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 81, điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình giao hai con chung là cháu Trần Lê Mỹ T, sinh ngày 15/4/2015; cháu Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 08/10/2021 cho bà Lê Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông Trần Ngọc H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

+ Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Tr và ông Trần Ngọc H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết Tòa án giải quyết cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Việc bà Tr không yêu cầu ông H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Tr

và ông Trần Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 33, Điều 34, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tr.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Tr ly hôn với ông Trần Ngọc H.

+ Về con chung: Giao con chung là các cháu Trần Lê Mỹ T, sinh ngày 15/4/2015; cháu Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 08/10/2021 cho bà Lê Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

“Ông Trần Ngọc H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung”.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Tr và ông Trần Ngọc H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Tr và ông Trần Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Bà Lê Thị Tr phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0003629 ngày 18/12/2023 tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Tiến;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền